



CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
*HA NOI CPC1
PHARMACEUTICAL JSC*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
*SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness*

Số/No. **363** /2026/CV-CPC1HN

*Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2026
Hanoi, October 20, 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
INFORMATION DISCLOSURE FINANCIAL STATEMENT

Kính gửi/To.

- Ủy ban chứng khoán nhà nước/ *The State Securities Commission*;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange* ;

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) Quý III năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Pursuant to Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the securities market, Ha Noi CPC1 Pharmaceutical Joint Stock Company hereby discloses its Financial Statements for the Third Quarter of 2026 to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức/ *Name of organization*:

• Mã chứng khoán/ *Stock code*: DTP

• Địa chỉ/ *Address*: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Thường Tín, thành phố Hà Nội/ *Ha Binh Phuong Industrial Cluster, Thuong Tin Commune, Hanoi city*

• Điện thoại liên hệ/ *Phone*: 0243.3765503 Website: <https://cpc1hn.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố/ *Disclosed Information*:

Báo cáo tài chính Quý III năm 2026/ *Third Quarter of 2026 Financial Statements*

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/ *Separate Financial Statements (For listed organizations without subsidiaries and with subordinate accounting units under the same accounting entity)*;

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)/ *Consolidated Financial Statements (For listed organizations with subsidiaries)*;



☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/ *Combined Financial Statements (For listed organizations with subordinate accounting units that maintain independent accounting records).*

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/ *Cases subject to explanation of causes:*

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán 2025)/ *The audit firm issues an opinion other than an unqualified opinion on the financial statements (for the reviewed/audited financial statements of the year 2025):*

☐ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Written explanation required if selected "Yes":*

☐ Có/Yes

☐ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025)/ *Profit after tax in the reporting period differs by 5% or more before and after audit/review, or changes from loss to profit or vice versa (for audited financial statements of the year 2025):*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Written explanation required if selected "Yes":*

☐ Có/Yes

☐ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/ *Corporate income tax profit at the financial result of the report changes by 10% or more compared to the same period of the previous year:*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Written explanation required if selected "Yes":*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/ *The profit after tax in the reporting period is a loss, switching from profit in the same period of the previous year to a loss in this period or vice versa:*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Written explanation required if selected "Yes":*

☐ Có/Yes

☐ Không/No



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 20/10/2026 tại đường dẫn: <https://cpc1hn.com.vn/co-dong/bao-cao-tai-chinh>.

This information has been disclosed on the Company's website on October 20, 2026 at the following link: <https://cpc1hn.com.vn/co-dong/bao-cao-tai-chinh>.

Trân trọng/ Sincerely,

Tài liệu đính kèm/ Attachment:

- BCTC Quý III năm 2026/ *Third Quarter of 2026 Financial Statements;*
- Văn bản giải trình/ *Explanatory Statement.*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Người Ủy quyền công bố thông tin
HA NOI CPC1 PHARMACEUTICAL
JOINT STOCK COMPANY

Authorized Information Disclose Representative



Tạ Thị Hải Huyền



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2026



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3.2026	
Báo cáo tình hình tài chính	02 - 03
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	04
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	05 -06
Thuyết minh Báo cáo tài chính	07 - 25

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị: VND

MẪU SỐ B 01a-DN

TÀI SẢN	Mã số	30/09/2026	01/01/2026
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	965.977.506.188	929.287.491.503
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	91.784.685.722	122.066.528.932
1. Tiền	111	66.784.685.722	37.566.528.932
2. Các khoản tương đương tiền	112	25.000.000.000	84.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	427.722.950.466	379.016.875.148
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	283.269.707.366	308.409.634.515
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	127.371.663.170	62.934.511.008
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	18.359.451.295	8.765.341.523
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	(1.277.871.365)	(1.092.611.898)
IV. Hàng tồn kho	140	434.067.594.673	424.400.430.272
1. Hàng tồn kho	141	435.279.452.870	427.064.873.865
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142	(1.211.858.197)	(2.664.443.593)
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160	12.402.275.327	3.803.657.151
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	6.166.163.992	3.803.563.728
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162	6.166.510.571	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	69.600.764	93.423
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	773.807.439.533	651.558.813.793
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	6.468.663.284	3.112.075.667
1. Phải thu dài hạn khác	215	6.468.663.284	3.112.075.667
II. Tài sản cố định	220	529.331.344.069	418.493.023.562
1. Tài sản cố định hữu hình	221	354.245.374.715	387.935.857.428
- Nguyên giá	222	794.940.993.069	768.559.352.057
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(440.695.618.354)	(380.623.494.629)
2. Tài sản cố định vô hình	227	175.085.969.354	30.557.166.134
- Nguyên giá	228	183.340.740.867	38.299.446.867
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(8.254.771.513)	(7.742.280.733)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250	163.787.744.855	145.785.399.824
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	163.787.744.855	145.785.399.824
VII. Tài sản dài hạn khác	270	74.219.687.325	84.168.314.740
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	74.219.687.325	84.168.314.740
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280	1.739.784.945.721	1.580.846.305.296

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị: VND

MẪU SỐ B 01a-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	30/09/2026	01/01/2026
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	416.164.109.224	380.651.424.489
I. Nợ ngắn hạn	310	322.677.439.824	346.853.239.489
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	53.608.925.271	51.786.056.897
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	61.252.237.863	50.670.248.247
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	25.508.031.200	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18.523.122.472	30.029.793.095
5. Phải trả người lao động	315	30.433.219.185	118.490.874.214
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	-	70.976.849
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	14.270.173.851	17.325.184.595
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	113.304.465.848	47.706.529.100
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.777.264.134	30.773.576.492
II. Nợ dài hạn	330	93.486.669.400	33.798.185.000
1. Phải trả dài hạn khác	338	282.730.000	521.500.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	93.203.939.400	33.276.685.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1.323.620.836.497	1.200.194.880.807
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	405.725.590.000	324.580.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	405.725.590.000	324.580.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn	412	9.442.260.000	9.442.260.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	94.353.394.407	94.353.394.407
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	814.099.592.090	771.818.386.400
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a	626.358.058.746	488.376.533.082
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b	187.741.533.344	283.441.853.318
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	1.739.784.945.721	1.580.846.305.296

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Xuân Hoàn

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Nam Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026

Đơn vị: VND

MẪU SỐ B 02a- DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 3/2026	Quý 3/2025	Lũy kế từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	Lũy kế từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	479.299.991.437	424.335.948.986	1.358.892.078.344	1.150.186.965.524
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2.934.702.570	7.003.946.782	7.284.286.722	9.436.300.112
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	10	476.365.288.867	417.332.002.204	1.351.607.791.622	1.140.750.665.412
4. Giá vốn hàng bán	11	222.962.917.990	169.874.296.716	682.122.844.544	509.685.406.953
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	253.402.370.877	247.457.705.488	669.484.947.078	631.065.258.459
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.082.477.215	744.904.426	3.433.793.762	1.349.210.066
7. Chi phí tài chính	23	1.442.998.302	951.267.971	4.125.726.686	3.908.548.390
Trong đó: Chi phí lãi vay	24	1.124.230.550	884.993.538	3.368.501.476	3.017.285.636
8. Chi phí bán hàng	25	155.892.355.351	130.412.271.462	423.168.719.551	330.969.932.142
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.593.203.310	10.166.683.022	32.716.105.837	29.165.284.672
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30= 20+22-(23+25+26)}	30	86.556.291.129	106.672.387.459	212.908.188.766	268.370.703.321
11. Thu nhập khác	31	139.383.842	1.093.703.531	870.505.791	1.335.709.744
12. Chi phí khác	32	191.062.315	100.541.685	472.772.929	21.455.027.614
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40	(51.678.473)	993.161.846	397.732.862	(20.119.317.870)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	86.504.612.656	107.665.549.305	213.305.921.628	248.251.385.451
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	11.565.886.315	8.567.835.678	25.564.388.284	26.088.999.945
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	74.938.726.341	99.097.713.627	187.741.533.344	222.162.385.506

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Xuân Hoàn

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Nam Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026

Đơn vị: VND
MẪU SỐ B 03a-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	213.305.921.628	248.251.385.451
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	61.195.477.046 -	55.493.886.006
- Các khoản dự phòng	03	(1.267.325.929)	(700.288.493)
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	44.948.500	521.352.295
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(1.911.008.663) -	(971.252.237)
- Chi phí lãi vay	06	3.368.501.476 -	3.017.285.636
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	15.832.201.461
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	274.736.514.058	321.444.570.119
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(42.039.790.159)	(50.534.396.703)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8.214.579.005)	38.737.196.292
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(88.056.181.392)	8.954.043.890
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	7.586.027.151	(1.951.800.135)
- Chi phí đi vay đã trả	14	(3.439.478.325)	(3.077.049.386)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(36.273.524.563)	(39.667.912.164)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(56.853.842.812)	(57.401.244.691)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	47.445.144.953	216.503.407.222
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(198.101.091.895)	(102.206.847.556)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	35.000.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	5.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.911.008.663	936.252.237
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(196.190.083.232)	(96.235.595.319)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	210.764.087.967	61.643.020.555
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(85.345.203.393)	(65.754.711.115)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.950.016.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	118.468.868.574	(4.111.690.560)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(30.276.069.705)	116.156.121.343

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026

Đơn vị: VND
MẪU SỐ B 03a-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	122.066.528.932	39.923.026.642
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(5.773.505)	7.109.190
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	91.784.685.722	156.086.257.175

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Xuân Hoàn

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Nam Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104089394 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/08/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 24/06/2026.

Trụ sở chính của Công ty tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 405.725.590.000 VND (*Bằng chữ: Bốn trăm linh năm tỷ bảy trăm hai lăm triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng./.*)

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Sản xuất bao bì từ plastic: Sản xuất bao bì bằng gỗ; sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Quảng cáo: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Kinh doanh bất động sản; Doanh nghiệp bán buôn thuốc, bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Doanh nghiệp bán thuốc; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi thăm quan, du lịch hoặc mục đích khác;
- Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ thành lập doanh nghiệp và quản lý doanh nghiệp;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ kính mắt, kính thuốc;
- Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng, thực phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung và các thực phẩm chế biến khác (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng, thực phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung và các thực phẩm chế biến khác (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán lẻ thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng, thực phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung và các thực phẩm chế biến khác (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn vacxin, sinh phẩm y tế; Xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Nhập khẩu trang thiết bị y tế; Bán buôn dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; Bán buôn chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Bán buôn nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, thức ăn chăn nuôi;
- Dịch vụ nhập khẩu ủy thác;
- Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc, Đại diện thương nhân; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	Lô DX khu Đô thị Tây Nam hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Chi nhánh Đà Nẵng	Đường số 2, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Số 26-28, đường Hàn Mạc Tử, Phường Phú Thọ Hòa, TP Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Số 181 đường Thống Nhất, Phường Phú Thọ Hòa, TP Hồ Chí Minh
Địa điểm kinh doanh – Công ty Cổ phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội tại Thanh Hóa	MB2125 Lô N27+N28 đường Lê Hiến Tông, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Địa điểm kinh doanh – Công ty Cổ phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội tại Hải Phòng	Căn HA.S01, khu đô thị Vinhomes Marina, phường An Biên, TP Hải Phòng
Địa điểm kinh doanh – Công ty Cổ phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội tại Nghệ An	Căn hộ số 109, tòa chung cư 12 tầng, khu đô thị mới Tây đại lộ VI.Lê Nin, xóm 19, Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An
Địa điểm kinh doanh – Công ty Cổ phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội tại Khánh Hòa	Lô đất số 4, đường số 93, khu đô thị Thái Hưng (gói 05 khu đô thị Mỹ Gia), Phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Địa điểm kinh doanh – Công ty Cổ phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội tại Cần Thơ	Thửa đất số 2158, tờ bản đồ số 1, đường số 3, KDC Lô số 11B, Khu đô thị Nam Cần Thơ, Phường Hưng Phú, TP Cần Thơ
Địa điểm kinh doanh – Công ty Cổ phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội tại Đắk Lắk	Lô đất số 2263, 2264, tờ bản đồ số 19, Phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Địa điểm kinh doanh – Công ty Cổ phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội tại Thái Nguyên	Thửa đất số 1525 tờ bản đồ số 75, Khu đô thị Thăng Long, Tờ 40, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kỳ kế toán kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kỳ kế toán.

Báo cáo tài chính kỳ kế toán kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính kỳ kế toán được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Fast Business

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Việc lập Báo cáo tài chính các kỳ kế toán tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định có sự điều chỉnh nguyên giá thì số khấu hao được tính bằng nguyên giá mới trừ đi số đã khấu hao chia cho thời gian khấu hao còn lại.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	Năm sử dụng ước tính
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 45
Máy móc, thiết bị	04 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	08
Tài sản cố định khác	02 - 12

Tài sản cố định vô hình và hao mòn***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng 30.306,3 m² diện tích đất thuê tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Thường Tín, thành phố Hà Nội trong 45 năm của Công ty. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất.

Quyền sử dụng đất tại tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Cà Mau và Thành Phố Hồ Chí Minh

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Phần mềm kế toán được tính hao mòn theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, công cụ dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán căn cứ theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo hóa đơn mua hàng của bên bán.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và hợp đồng kinh tế.

Thực hiện theo dõi nợ phải trả chi tiết cho nhà cung cấp, cuối tháng lên biên bản đối chiếu công nợ gửi nhà cung cấp ký xác nhận.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả do chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi bán cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp cung cấp dịch vụ trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Hoạt động kinh doanh

- Hoạt động xuất khẩu thuốc tân dược
- Hoạt động bán thuốc tân dược
- Hoạt động bán thực phẩm chức năng

Thuế suất

- 0%
- 5%
- 8%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

- Chính sách ưu đãi thuế

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ được chứng nhận theo Giấy chứng nhận số 44/DNKHCN cấp chứng nhận lần đầu ngày 19 tháng 07 năm 2018 của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội. Theo đó, Công ty được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ nếu đáp ứng điều kiện về doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu của Doanh nghiệp. Do đó, doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm và giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo từ năm 2018.

- Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập tính thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty.

Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, thành viên của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2026	01/01/2026
Tiền mặt	420.611.263	459.378.460
Tiền gửi ngân hàng	66.364.074.459	37.107.150.472
Các khoản tương đương tiền (*)	25.000.000.000	84.500.000.000
Cộng	91.784.685.722	122.066.528.932

(*) Tại ngày 30/09/2026, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 25.000.000.000 VND

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/09/2026	01/01/2026
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-
Cộng	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2026	01/01/2026
Bên liên quan	34.639.943.836	23.630.256.423
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1-Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	2.887.962	6.145.997
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	-	43.548.000
Công ty TNHH Dược phẩm VNP	6.206.010.014	8.425.896.820
Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	5.109.734.723	8.118.056.262
Công ty CP Upharma	23.321.311.137	7.036.609.344
Bên khác	248.629.763.530	284.779.378.092
Công ty TNHH sản xuất và đầu tư phát triển Thuận Phát	16.663.024.296	15.060.097.971
Bệnh viện Thanh Nhàn	3.528.360.000	1.723.926.500
Công ty TNHH Dược phẩm Bình Minh	439.120.019	3.542.201.380
Bệnh Viện Bạch Mai	3.177.853.425	1.426.974.660
Các khoản phải thu khách hàng khác	224.821.405.790	263.026.177.581
Cộng	283.269.707.366	308.409.634.515

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2026	01/01/2026
Bên khác	127.371.663.170	62.934.511.008
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Lead	3.593.655.000	-
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Hợp Lực	-	17.920.426.402
Công ty TNHH Tư vấn và Kỹ Thuật Phòng Cháy Chữa Cháy NTK	4.185.862.500	
OURLEAD PTE. LTD	-	19.004.400.000
Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Cơ Điện Nhiệt Lạnh Newtechco	4.457.853.339	-
Nhà cung cấp khác	115.134.292.331	26.009.684.606
Cộng	127.371.663.170	62.934.511.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. PHẢI THU KHÁC

	30/09/2026	01/01/2026
Phải thu ngắn hạn khác		
<i>Bên liên quan</i>	50.000.000	50.000.000
Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC1	50.000.000	50.000.000
<i>Bên khác</i>	18.309.451.295	8.715.341.523
Tạm ứng	7.309.208.908	7.909.474.381
Kí cược, ký quỹ	448.071.962	478.734.314
Ứng trước tiền hàng ủy thác	-	302.784.064
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	10.552.170.425	24.348.764
Cộng	18.359.451.295	8.765.341.523
Phải thu dài hạn khác		
<i>Bên liên quan</i>	-	-
<i>Bên khác</i>	6.468.663.284	3.112.075.667
Ngân hàng TMCP Á Châu	1.732.540.149	1.732.540.149
Công ty TNHH Sản Xuất hàng tiêu dùng Bình Tiên (BITI'S)	600.000.000	600.000.000
Ký cược, ký quỹ	4.136.123.135	779.535.518
Cộng	6.468.663.284	3.112.075.667

6. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự Phòng	Giá gốc	Dự Phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	12.476.947.242	-
Nguyên liệu, vật liệu	168.207.310.476	245.801.958	131.525.864.774	696.809.127
Công cụ, dụng cụ	1.459.487.526	-	14.093.380	-
Chi phí SXKD dở dang	14.476.054.998	-	8.998.336.504	-
Hàng hóa, thành phẩm	251.136.599.870	966.056.239	274.049.631.965	1.967.634.466
	435.279.452.870	1.211.858.197	427.064.873.865	2.664.443.593
	-	-	-	-

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/09/2026	01/01/2026
Mua sắm TSCĐ	7.374.656.657	130.768.167.000
Xây dựng cơ bản	156.217.801.068	14.821.945.694
Nâng cấp, cải tạo TSCĐ	195.287.130	195.287.130
Cộng	163.787.744.855	145.785.399.824

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán
từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư tại ngày 01/01/2026	158.956.780.559	543.520.458.832	32.446.130.166	870.499.091	32.765.483.409	768.559.352.057
- Mua sắm	-	22.704.920.057	2.706.073.921	-	1.551.107.896	26.962.101.874
- Sửa chữa, nâng cấp	1.491.901.679	-	-	34.500.000	-	1.526.401.679
- Giảm khác	-	(1.496.000.000)	-	-	(610.862.541)	(2.106.862.541)
Số dư tại ngày 30/09/2026	160.448.682.238	564.729.378.889	35.152.204.087	904.999.091	33.705.728.764	794.940.993.069
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại ngày 01/01/2026	38.029.661.383	300.525.627.005	22.755.890.114	655.764.664	18.656.551.463	380.623.494.629
- Khấu hao trong kỳ	5.409.826.299	48.307.820.350	2.867.527.057	225.327.291	3.949.644.887	60.760.145.884
- Giảm khác	-	(77.159.618)	-	-	(610.862.541)	(688.022.159)
Số dư tại ngày 30/09/2026	43.439.487.682	348.756.287.737	25.623.417.171	881.091.955	21.995.333.809	440.695.618.354
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2026	120.927.119.176	242.994.831.827	9.690.240.052	214.734.427	14.108.931.946	387.935.857.428
Tại ngày 30/09/2026	117.009.194.556	215.973.091.152	9.528.786.916	23.907.136	11.710.394.955	354.245.374.715

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán
từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2026	36.268.246.867	2.031.200.000	38.299.446.867
- Tăng trong kỳ	145.041.294.000	-	145.041.294.000
Số dư tại ngày 30/09/2026	181.309.540.867	2.031.200.000	183.340.740.867
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/01/2026	6.300.689.543	1.441.591.190	7.742.280.733
- Khấu hao trong kỳ	337.735.773	174.755.007	512.490.780
Số dư tại ngày 30/09/2026	6.638.425.316	1.616.346.197	8.254.771.513
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2026	29.967.557.324	589.608.810	30.557.166.134
Tại ngày 30/09/2026	174.671.115.551	414.853.803	175.085.969.354

(*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất gồm có:

	30/09/2026
(1) Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 29 tháng 05 năm 2057 tại Cụm Công Nghiệp Hà Bình Phương, xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội với tổng diện tích 30.306,3 m2 đang được sử dụng làm trụ sở Công ty và Nhà máy Dược phẩm GMP-WHO, nguyên giá:	20.260.434.763
(2) Quyền sử dụng đất tại phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, với tổng diện tích 354,4 m2 đang được sử dụng làm địa điểm kinh doanh của Công ty, nguyên giá:	16.007.812.104
(3) Quyền sử dụng đất tại phường Tân Thanh, tỉnh Cà Mau, với tổng diện tích 450 m2 đang được sử dụng làm địa điểm kinh doanh của Công ty, nguyên giá:	6.838.167.000
(4) Quyền sử dụng đất tại phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, với tổng diện tích 2.273,2 m2 đang được sử dụng làm địa điểm kinh doanh của Công ty, nguyên giá:	138.203.127.000

10. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	30/09/2026	01/01/2026
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.190.961.538	2.636.760.440
Chi phí thuê văn phòng	197.000.000	899.000.000
Chi phí bảo hiểm	613.022.345	189.624.526
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.165.180.109	78.178.762
Cộng	6.166.163.992	3.803.563.728
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	30/09/2026	01/01/2026
Tiền thuê đất và hạ tầng trả trước tại KCN Tân Phú Trung	10.900.649.196	11.190.903.165
Quyền sử dụng đất tại KCN Hòa Khánh mở rộng	13.552.214.500	13.307.324.488
Công cụ dụng cụ xuất dùng	24.566.963.015	26.215.086.480
Chi phí sửa chữa, bảo trì máy móc	23.962.400.263	32.147.901.633
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.237.460.351	1.307.098.974
Cộng	74.219.687.325	84.168.314.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay ngắn hạn	30/09/2026	01/01/2026
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Vay ngắn hạn Ngân hàng VND</i>	73.479.542.606	15.382.005.532
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	60.829.918.356	5.185.112.996
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long	12.649.624.250	10.196.892.536
<i>Vay ngắn hạn Ngân hàng (ngoại tệ)</i>	33.924.923.242	21.874.523.568
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - PGD Timescity	33.924.923.242	18.544.930.064
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	-	1.094.645.500
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long	-	2.234.948.004
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	5.900.000.000	10.450.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)- PGD Timescity	-	2.750.000.000
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)- CN Mỹ Đình	5.900.000.000	7.700.000.000
Cộng	113.304.465.848	47.706.529.100
Vay dài hạn	30/09/2026	01/01/2026
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)- PGD Timescity	-	-
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)- CN Mỹ Đình	16.100.000.000	20.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	77.103.939.400	13.276.685.000
Cộng	93.203.939.400	33.276.685.000

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2026	01/01/2026
<i>Bên liên quan</i>	1.616.076.865	233.510.104
Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	1.616.076.865	225.460.672
Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1	-	8.049.432
<i>Bên khác</i>	51.992.848.406	51.552.546.793
Công ty TNHH Sản xuất và đầu tư phát triển Thuận Phát	1.286.544.372	-
Công Ty TNHH Sản Xuất Bao Bì và Thương Mại Đức Thành	2.560.173.601	2.579.837.561
Công ty TNHH sản xuất và xuất nhập khẩu Bao bì Hà Nội	1.551.927.521	3.360.376.127
Công ty TNHH thương mại và sản xuất Đông Âu	491.231.629	2.652.074.034
Phải trả các đối tượng khác	46.102.971.283	42.960.259.071
Cộng	53.608.925.271	51.786.056.897

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2026	01/01/2026
<i>Bên liên quan</i>	-	-
<i>Bên khác</i>	61.252.237.863	50.670.248.247
Công Ty TNHH Thương Mại Dược Mỹ Phẩm Nguyễn Gia	834.120.000	-
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm Hoàng Sơn	-	113.925.000
Công Ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Green Việt Nam	4.983.618.430	-
Công ty Cổ phần thương mại và thiết bị y tế Hùng Vương	1.581.720.000	-
Người mua trả tiền trước khác	53.852.779.433	50.556.323.247
Cộng	61.252.237.863	50.670.248.247

14. PHẢI TRẢ VỀ CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	30/09/2026	01/01/2026
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	25.508.031.200	-
Cộng	25.508.031.200	-

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỢP NHÀ NƯỚC

	30/09/2026		01/01/2026	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	1.311.879.277	-	3.694.321.693	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	69.600.764	-	93.423
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.559.388.284	-	23.268.524.563	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.651.854.911	-	3.066.946.839	-
Tiền thuê đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp kh.	-	-	-	-
Cộng	18.523.122.472	69.600.764	30.029.793.095	93.423

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2026	01/01/2026
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	70.976.849
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	70.976.849
Cộng	-	70.976.849

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán
từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

Phải trả ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn, bảo hiểm

Nhận ứng trước tiền hàng uỷ thác

Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Cộng

30/09/2026	01/01/2026
731.820.518	1.955.344.968
-	300.000.000
13.538.353.333	15.069.839.627
14.270.173.851	17.325.184.595

Phải trả dài hạn khác

Nhận ký cược, ký quỹ

Cộng

30/09/2026	01/01/2026
282.730.000	521.500.000
282.730.000	521.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán
từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2026	324.580.840.000	9.442.260.000	94.353.394.407	771.818.386.400	1.200.194.880.807
Tăng vốn trong kỳ	81.144.750.000	-	-	-	81.144.750.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	187.741.533.344	187.741.533.344
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(14.172.092.666)	(14.172.092.666)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	(81.144.750.000)	(81.144.750.000)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(32.458.047.200)	(32.458.047.200)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(17.597.437.788)	(17.597.437.788)
Trích thưởng HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	(88.000.000)	(88.000.000)
Số dư ngày 30/09/2026	405.725.590.000	9.442.260.000	94.353.394.407	814.099.592.090	1.323.620.836.497

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán
từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2026	Tỷ lệ	01/01/2026	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1	66.666.650.000	16,43	53.333.320.000	16,43
Bà Lê Thị Kim Ánh	69.749.970.000	17,19	55.799.980.000	17,19
Ông Nguyễn Tiến Lung	33.333.320.000	8,22	26.666.660.000	8,22
Ông Lê Nam Thắng	42.518.850.000	10,48	33.015.080.000	10,17
Ông Nguyễn Thanh Bình	78.216.620.000	19,28	62.573.300.000	19,28
Bà Phùng Thanh Hương	41.599.970.000	10,25	33.279.980.000	10,25
Các cổ đông khác	73.640.210.000	18,15	59.912.520.000	18,46
	405.725.590.000	100	324.580.840.000	100

c. Cổ phiếu

	30/09/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.572.559	32.458.084
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	40.572.559	32.458.084
- Cổ phiếu phổ thông	40.572.559	32.458.084
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.572.559	32.458.084
- Cổ phiếu phổ thông	40.572.559	32.458.084
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán
từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃ SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	1.358.827.366.408	1.150.029.542.757
Doanh thu cung cấp dịch vụ	64.711.936	157.422.767
Cộng	1.358.892.078.344	1.150.186.965.524

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025
Hàng bán trả lại	6.063.278.099	4.930.412.387
Giảm giá hàng bán, chiết khấu	1.221.008.623	4.505.887.725
Cộng	7.284.286.722	9.436.300.112

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	682.122.844.544	509.685.406.953
Cộng	682.122.844.544	509.685.406.953

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.911.008.663	936.252.237
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.461.785.099	412.957.829
Doanh thu tài chính khác	61.000.000	-
Cộng	3.433.793.762	1.349.210.066

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025
Chi phí lãi vay	3.368.501.476	3.017.285.636
Lỗ chênh lệch tỷ giá	237.899.372	889.794.621
Chi phí tài chính khác	519.325.838	1.468.133
Cộng	4.125.726.686	3.908.548.390

6. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025
Thu nhập khác	870.505.791	1.335.709.744
Cộng	870.505.791	1.335.709.744

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán
từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃ SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025
Chi phí khấu hao không được trừ	75.189.640	101.556.090
Thuế TNDN phải nộp năm trước	-	15.808.476.662
Chi phí khác	397.583.289	5.544.994.862
Cộng	472.772.929	21.455.027.614

8. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025
Chi phí cho nhân viên	233.243.166.241	221.371.979.941
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7.646.888.441	5.870.730.148
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.303.640.824	4.219.053.340
Chi phí khuyến mại, tài trợ sản phẩm, hàng hóa	7.733.253.648	4.407.279.178
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.686.946.886	69.906.365.577
Các chi phí khác	61.554.823.511	25.194.523.958
Cộng	423.168.719.551	330.969.932.142

9. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025
Chi phí cho nhân viên	12.668.992.640	10.691.861.866
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.198.840.647	796.376.702
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.507.207.126	2.068.901.390
Thuế, phí và lệ phí	1.088.868.245	1.464.286.258
Trích lập/hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	185.259.467	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.798.239.794	10.374.844.678
Chi phí khác	3.268.697.918	3.769.013.778
Cộng	32.716.105.837	29.165.284.672

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Xuân Hoàn

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Nam Thắng